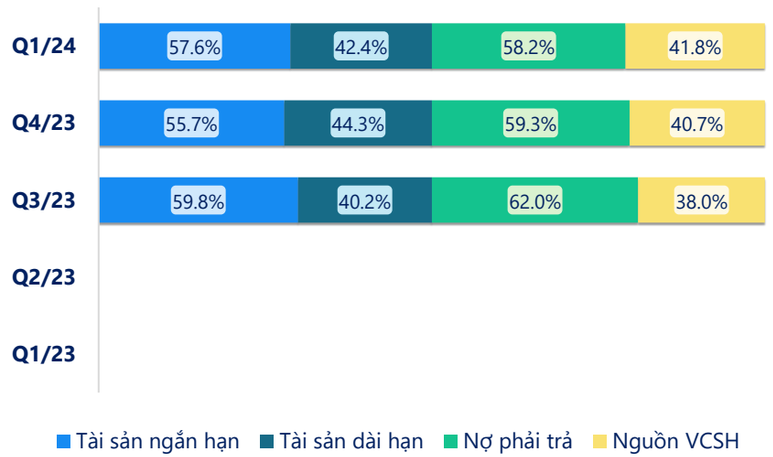
FireAnt

CTCP Đầu tư Bất động sản Taseco (UPCOM: TAL)

Thông tin giao dịch	31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	21,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	25,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	21,000
SL cổ phiếu LH	297,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	37,910
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	6,504
P/E	
EPS	

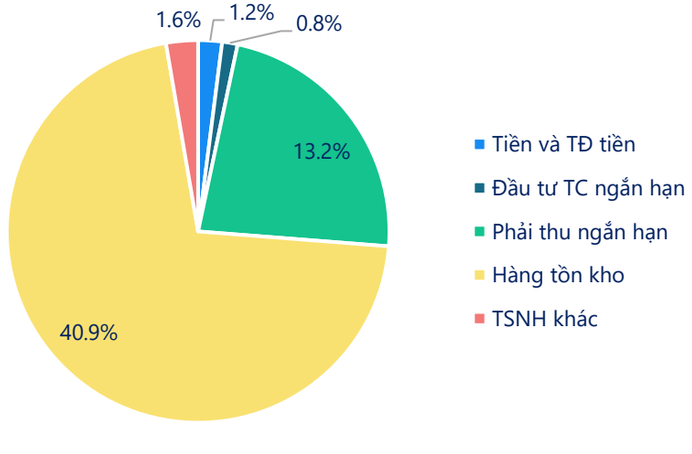
	YTD	1T	3T	6T
TAL	0.0%	0.0%	1.4%	
VNINDEX	0.1%	1.1%	4.6%	

Cơ cấu Tổng tài sản



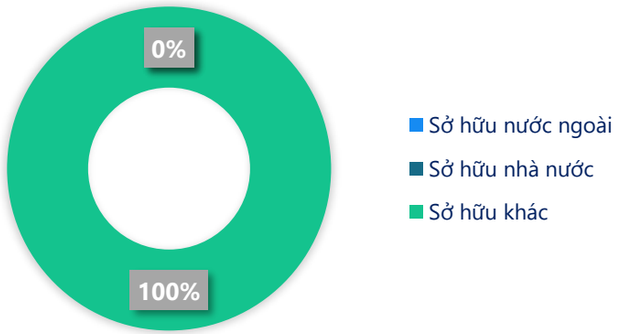
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



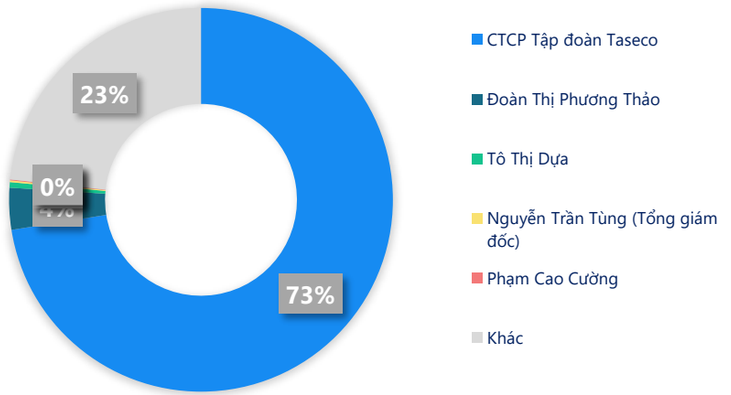
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



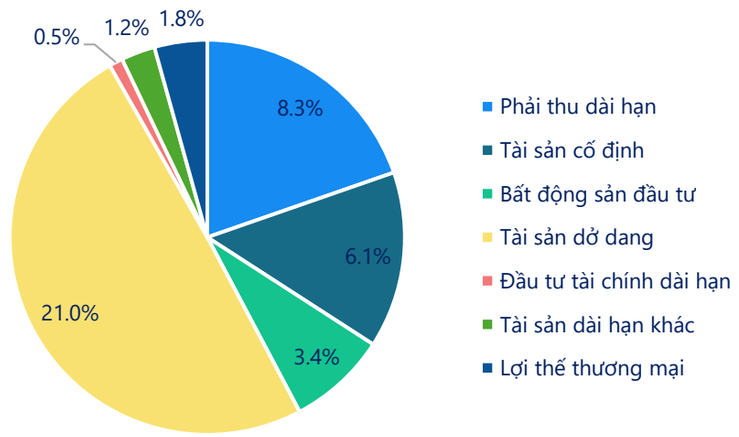
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

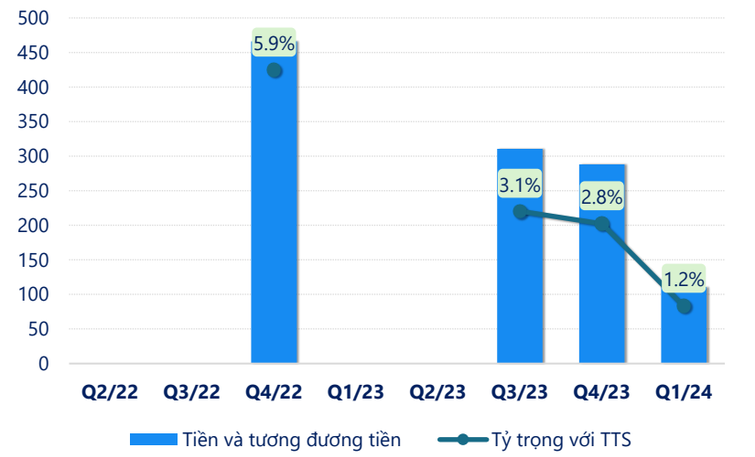


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

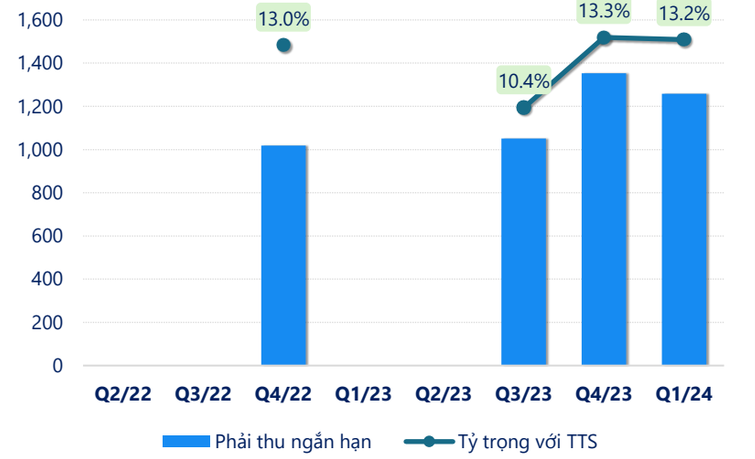
CTCP Đầu tư Bất động sản Taseco (UPCOM: TAL)

Tiền và tương đương tiền



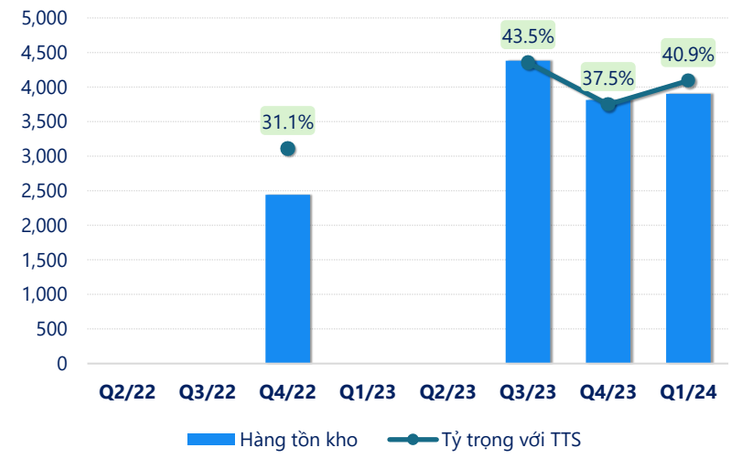
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



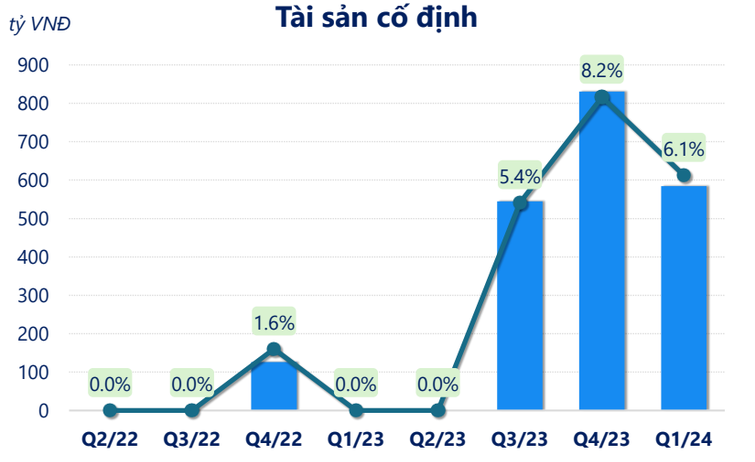
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



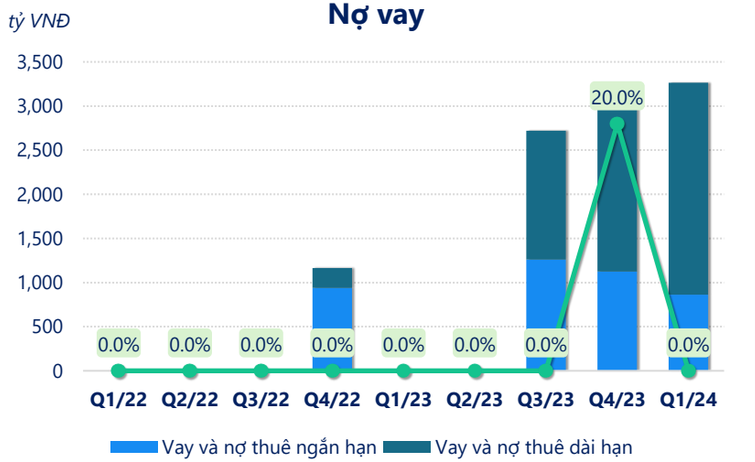
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



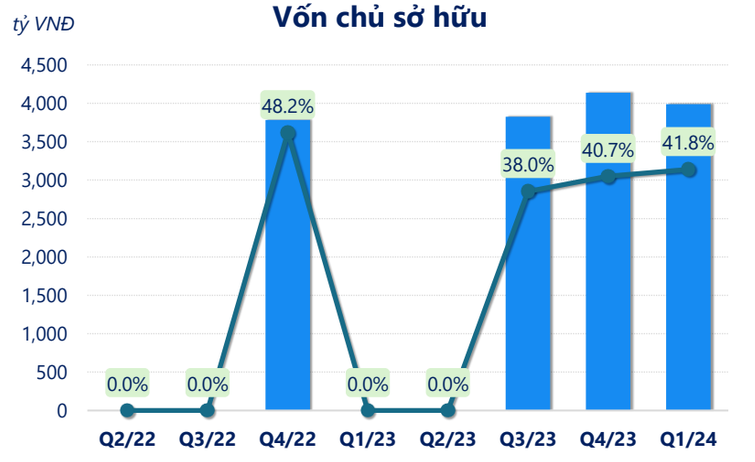
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

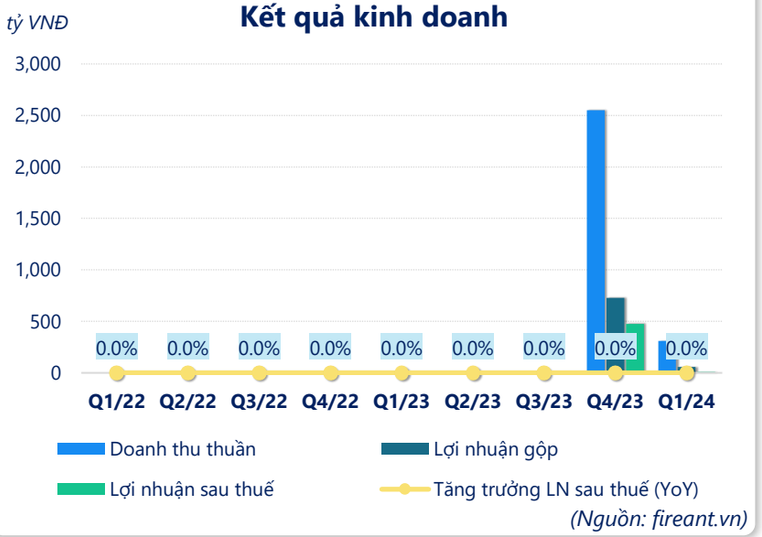


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

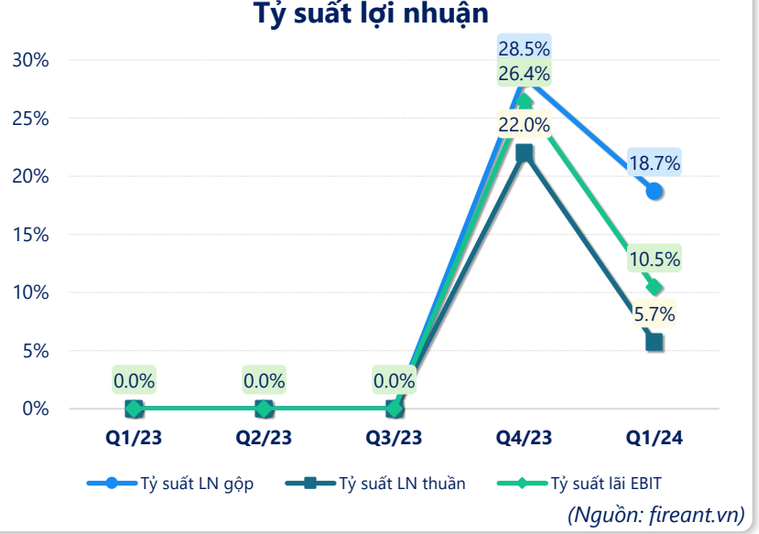
CTCP Đầu tư Bất động sản Taseco (UPCOM: TAL)

Kết quả kinh doanh



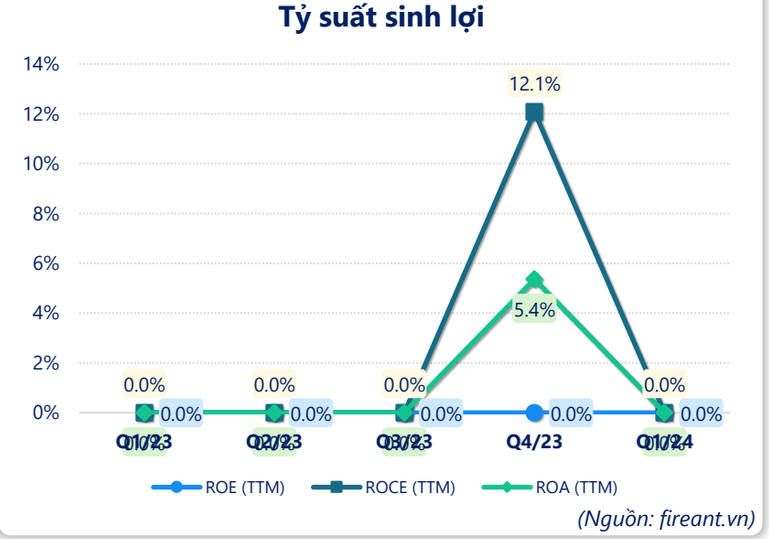
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



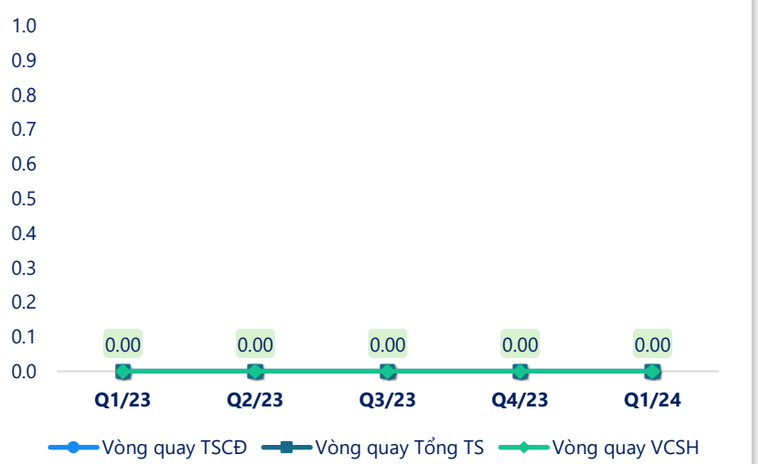
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



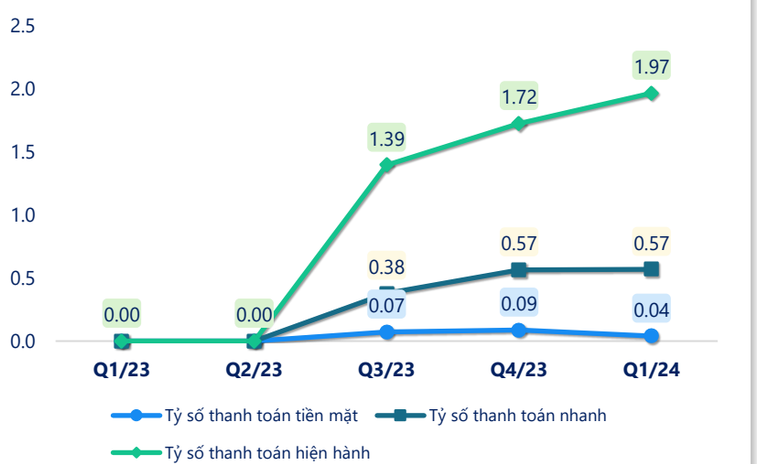
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



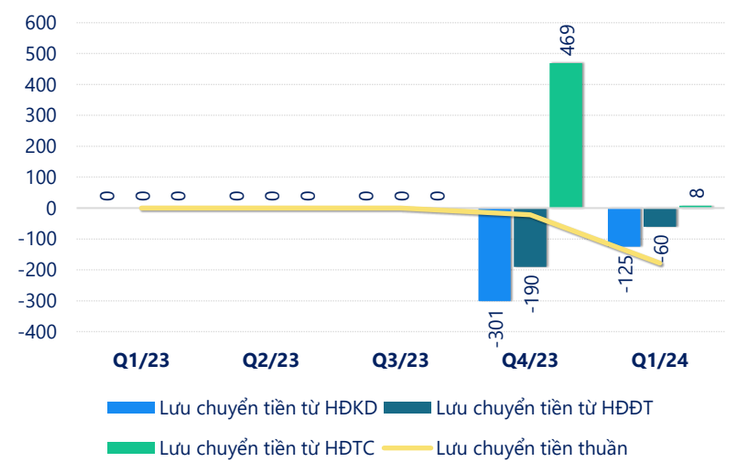
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Đầu tư Bất động sản Taseco (UPCOM: TAL)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**9,533**	**9,938**	**-4.1%**
Tài sản ngắn hạn	5,493	5,706	-3.7%
Tiền và tương đương tiền	111	289	-61.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	71.8	77.9	-7.9%
Phải thu ngắn hạn	1,259	1,358	-7.3%
Hàng tồn kho	3,903	3,841	1.6%
Tài sản ngắn hạn khác	148	140	5.4%
Tài sản dài hạn	**4,041**	**4,232**	**-4.5%**
Phải thu dài hạn	795	1,034	-23.1%
Tài sản cố định	584	571	2.3%
Bất động sản đầu tư	328	331	-0.7%
Tài sản dở dang	2,001	1,956	2.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	45.0	45.0	0.2%
Tài sản dài hạn khác	**112**	**118**	**-5.0%**
Lợi thế thương mại	175	178	-1.7%
Nợ phải trả	5,545	5,950	-6.8%
Nợ ngắn hạn	**2,795**	**3,468**	**-19.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	863	1,126	-23.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	430	474	-9.3%
Nợ dài hạn	2,750	2,481	10.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	2,400	2,137	12.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**3,989**	**3,988**	**0.0%**
Vốn chủ sở hữu	**3,989**	**3,988**	**0.0%**
Vốn điều lệ	2,970	2,970	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Doanh thu thuần				2,550	309
Giá vốn hàng bán				1,822	251
Lợi nhuận gộp				728	57.9
Doanh thu HĐTC				28.7	14.1
Chi phí TC				60.1	16.7
Chi phí lãi vay				56.6	15.4
LN trong công ty LKLD				0.57	0.08
Chi phí bán hàng				69.2	2.58
Chi phí QLDN				66.4	35.1
LN thuần từ HĐKD				561	17.7
Lợi nhuận khác				55.9	-0.80
LN trước thuế				617	16.9
Lợi nhuận sau thuế				476	10.2
LNST của CĐ cty mẹ				483	6.70

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	0	0	-301	-125
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0	-190	-60.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	469	7.54
Tiền đầu kỳ	0	0	0	310	289
Lưu chuyển tiền thuần	**0**	**0**	**0**	**-22.1**	**-178**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0	0	0	288	111

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic